TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cường

Bà Trần Thị Minh Hường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** (Không tham gia)

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã P, tỉnh Đồng Tháp

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: số nhà F, tổ E, ấp P, xã A, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2025 và quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Thanh T do tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày 24/6/2024 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được. Bà H yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không nhận văn bản trình bày ý kiến của ông T gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do ông T vắng mặt không có lý do và bà H có đơn đề nghị không hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến trình bày, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; không ai nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H là người có quyền khởi kiện ông T tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã A, tỉnh Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long. Ông T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà H và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 24/6/2024. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà H, ông T không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện chung sống với nhau. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án nhiều lần triệu tập ông T để tham dự hòa giải, phiên tòa sơ thẩm để tạo điều kiện đoàn tụ nhưng ông T vẫn vắng mặt thể hiện ông T không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ với bà H. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông T.

[3] Con chung: Không có.

[4] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nợ chung: Không có.

[5] Án phí: Buộc bà H nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 186, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

- Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Thanh T ly hôn với nhau.

- Về con chung: Không có.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

2. Án phí: Buộc bà Phạm Thị H nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001680 ngày 08/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên bà Phạm Thị H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Thi hành án dân sự: 1;
- UBND xã P, tỉnh Đồng Tháp: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân